

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2024/KDTM-ST

Ngày: 27-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Tâm

2. Bà Nguyễn Kim Lý

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 42/2024/TLST-KDTM ngày 16 tháng 7 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2024/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐHPTST ngày 11 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty PMK.

Địa chỉ: Số 103, đường BVB, khu phố 8, phường PL, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Vũ Ngọc Tuấn A, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 25/21 đường NVL, khu phố 2, phường PL, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

Theo Văn bản uỷ quyền ngày 15/5/2024. Có mặt

Bị đơn: Công ty TNA F

Địa chỉ tại: Thửa đất số 1462, tờ bản đồ số 59, khu phố 3, phường MP, thành phố BC, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh T - Giám đốc. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty PMK là ông Vũ Ngọc Tuấn A trình bày:

Công ty PMK hoạt động trong lĩnh vực cung cấp các mặt hàng thực phẩm đông lạnh theo đơn đặt hàng của khách hàng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702562492, đăng ký lần đầu ngày 15/5/2017, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 11/01/2024.

Do có nhu cầu mua các mặt hàng thực phẩm đông lạnh, Công ty TNA F đã ký kết hợp đồng mua bán với Công ty PMK theo Hợp đồng nguyên tắc số 0103/HĐKT/PMK-TF/2022 ngày 01/03/2022 (sau đây là “Hợp đồng nguyên tắc”), theo đó Công ty PMK cung cấp các mặt hàng thuỷ hải sản đông lạnh, gia súc gia cầm đông lạnh các loại theo đơn đặt hàng cho Công ty TNA F, số lượng theo từng đơn đặt hàng cụ thể và đơn giá theo bảng báo giá tại từng thời điểm của từng lô hàng.

Tại Điều 3 Hợp đồng nguyên tắc các bên thỏa thuận về phương thức thanh toán theo đó Công ty TNA F có nghĩa vụ thanh toán công nợ cho Công ty PMK theo biên bản xác nhận công nợ chậm nhất 05 (năm) ngày sau khi ký xác nhận và thanh toán đủ và đúng theo số tiền mua hàng mà 2 Bên đã xác nhận và đối chiếu. Thời gian từ ngày 5-10 (dương lịch) của tháng tiếp theo. Tại khoản 5.1 Điều 5 Hợp đồng nguyên tắc thỏa thuận nếu Bên A không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán sẽ bị phạt số tiền là 0,05% tổng giá trị tiền bên A thanh toán thiếu cho bên B cho 01 ngày vi phạm.

Căn cứ theo số lượng đặt hàng và hoá đơn giá trị gia tăng mà Công ty PMK đã xuất cho Công ty TNA F với tổng giá trị là 1.754.236.065 đồng, cụ thể như sau:

Stt	Số hoá đơn	Ngày hoá đơn	Số tiền hoá đơn (đồng)	Số tiền đã thanh toán	Số tiền nợ	Hạn thanh toán	Số ngày chậm	Lãi phạt chậm thanh toán (% / ngày)	Thành tiền
1	0002530	30/9/2022	709.589.225	413.977.679	295.611.546	30/10/2022	570	0,05%	84.249.291
2	0002942	31/10/2022	671.968.020		671.968.020	30/11/2022	539	0,05%	181.095.381
3	0003353	30/11/2022	288.018.270		288.018.270	30/12/2022	509	0,05%	73.300.650
4	0001971	14/7/2023	11.005.500		11.005.500	13/8/2023	283	0,05%	1.557.278
5	0001990	17/7/2023	11.692.800		11.692.800	16/8/2023	280	0,05%	1.636.992
6	0002029	19/7/2023	11.340.000		11.340.000	18/8/2023	278	0,05%	1.576.260
7	0002045	20/7/2023	19.052.250		19.052.250	19/8/2023	277	0,05%	2.638.737
8	0004017	4/12/2023	7.470.000		7.470.000	3/1/2024	140	0,05%	522.900
9	0004047	5/12/2023	13.000.000		13.000.000	4/1/2024	139	0,05%	903.500
10	0004306	21/12/2023	11.100.000		11.100.000	20/1/2024	123	0,05%	682.650
Tổng cộng			1.754.236.065	413.977.679	1.340.258.386				348.163.639

Công ty TNA F đã thanh toán số tiền là 413.997.679 đồng, tổng dư nợ còn lại chưa thanh toán là 1.340.258.386 đồng. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty TNA F đã không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty PMK theo thời hạn thanh toán thoả thuận trong Hợp đồng.

Do Công ty TNA F không thanh toán nợ đúng thời hạn cam kết và nhiều lần trì hoãn, mặc dù công ty chúng tôi đã đốc thúc và tạo điều kiện gia hạn nhiều lần, đến ngày 22/5/2024 Công ty PMK lập Bảng chi tiết công nợ xác định số tiền nợ gốc quá hạn là 1.340.258.386 đồng và tiền lãi phạt do chậm thanh toán theo quy định tại khoản 5.1 Điều 5 Hợp đồng nguyên tắc 348.163.639 đồng, tổng số tiền Công ty TNA F phải trả cho Công ty PMK là 1.688.422.025 đồng, đồng thời gửi thông báo đòi nợ với nội dung yêu cầu Công ty TNA F thanh toán 1 lần toàn bộ số tiền công nợ quá hạn và tiền phạt chậm trả trên chậm nhất đến ngày 31/5/2024. Tuy nhiên, Công ty TNA F từ chối nhận thư, không phản hồi và cũng không thanh toán nợ quá hạn.

Nhận thấy Công ty TNA F cố ý chây ỳ, trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ thanh toán công nợ cho Công ty PMK, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng 0103/HĐKT/PMK-TF/2022 ngày 01/03/2022. Vì lý do đó Công ty PMK làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương giải quyết:

1/ Buộc Công ty TNA F trả cho Công ty PMK một lần toàn bộ số tiền nợ quá hạn (bao gồm thuế GTGT) và số tiền phạt do chậm thanh toán tính đến ngày 22/5/2024 là 1.688.422.025 đồng.

2/ Buộc Công ty TNA F trả cho Công ty PMK số tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, tương ứng 10%/năm, thời gian tính từ ngày 22/5/2024 đến ngày dự kiến Tòa án đưa vụ án ra xét xử là 03 tháng. Tạm tính như sau:

$$1.688.422.025 \text{ đồng} \times 10\%/12 \text{ tháng} \times 3 \text{ tháng} = 42.210.551 \text{ đồng}$$

Tổng cộng Công ty PMK yêu cầu Công ty TNA F trả số tiền nợ gốc, tiền phạt chậm trả và tiền lãi chậm trả là 1.688.422.025 đồng + 42.210.551 đồng = 1.730.632.576 đồng.

Đối với bị đơn Công ty TNA F: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty TNA F bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho bị đơn Công ty TNA F theo hình thức niêm yết công khai tại trụ sở Công ty TNA F theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn Công ty TNA F không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Tuấn Anh trình bày:
 Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNA F thanh toán số tiền: 1.734.958.766 đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 1.340.258.386 đồng;
- Số tiền phạt chậm thanh toán: 348.163.639 đồng.
- Tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/9/2024 là 04 tháng 05 ngày: 1.340.258.386 đồng x 10%/12 tháng x 04 tháng 05 ngày = 46.536.741 đồng.

Đề nghị rút lại yêu cầu tính lãi đối với số tiền chậm trả 348.163.639 đồng là 12.089.024 đồng.

Kiểm sát viên đại diện VKSND thành phố Bến Cát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án, việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. đối với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyên nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Công ty PMK Công ty TNA F khởi kiện yêu cầu Công ty TNA F thanh toán số tiền nợ theo Hợp đồng mua bán nên đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty TNA F có địa chỉ trụ sở phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điều 30, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến.

[2]. Về việc xét xử vắng mặt:

Tòa án đã tổng đạt thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho bị đơn theo hình thức niêm

yết công khai tại trụ sở Công ty TNA F, địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại của người đại diện theo pháp luật của Công ty TNA F theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn Công ty TNA F vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về chứng cứ:

Tại Biên bản phiên họp tiếp cận, kiểm tra và công khai chứng cứ ngày 26/8/2024, nguyên đơn thống nhất chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập. Tòa án đã niêm yết Thông báo kết quả việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến khiếu nại hay thắc mắc hoặc yêu cầu thu thập thêm chứng cứ, cung cấp chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án sẽ căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Trong quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không có văn bản trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt không lý do.

[4.1] Về yêu cầu thanh toán tiền hàng

Theo hồ sơ tài liệu kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn cung cấp thể hiện:

Ngày 01/03/2022, Công ty TNA F và Công ty PMK đã ký Hợp đồng nguyên tắc số 0103/HĐKT/PMK-TF/2022, theo đó Công ty PMK cung cấp các mặt hàng thủy hải sản đông lạnh, gia súc gia cầm đông lạnh các loại theo đơn đặt hàng cho Công ty TNA F, số lượng theo từng đơn đặt hàng cụ thể và đơn giá theo bảng báo giá tại từng thời điểm của từng lô hàng.

Xét thấy, việc ký hợp đồng do các bên tự nguyện giao kết, không trái quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên.

Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giao hàng cho bị đơn căn cứ theo đơn đặt hàng của bị đơn và có người của bị đơn ký nhận tại phiếu xuất kho. Sau khi giao nhận hàng hoá, nguyên đơn đã tiến hành xuất hoá đơn giá trị gia tăng với tổng giá trị là 1.754.236.065 đồng. Công ty TNA F đã thanh toán số tiền là 413.997.679 đồng, tổng dư nợ còn lại chưa thanh toán là 1.340.258.386 đồng.

Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 1.340.258.386 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Về lãi suất:

[4.2.1] Về yêu cầu tiền phạt chậm thanh toán:

Xét thấy tại Điều 3 Hợp đồng nguyên tắc các bên thỏa thuận về phương thức thanh toán theo đó Công ty TNA F có nghĩa vụ thanh toán công nợ cho Công ty PMK theo biên bản xác nhận công nợ chậm nhất 05 (năm) ngày sau khi ký xác nhận và thanh toán đủ và đúng theo số tiền mua hàng mà 2 Bên đã xác nhận và đối chiếu. Thời gian từ ngày 5-10 (dương lịch) của tháng tiếp theo. Tại khoản 5.1 Điều 5 Hợp đồng nguyên tắc thỏa thuận nếu Bên A không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán sẽ bị phạt số tiền là 0,05% tổng giá trị tiền bên A thanh toán thiếu cho bên B cho 01 ngày vi phạm.

Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ quy định tại Điều 3 của hợp đồng nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền phạt chậm thanh toán là 348.163.639 đồng.

[4.2.2] Về yêu cầu lãi chậm thanh toán:

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu số tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, tương ứng 10%/năm, thời gian tính từ ngày 22/5/2024 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm ngày 27/9/2024 là 04 tháng 05 ngày.

Căn cứ vào Điều 36 Luật Thương mại mức lãi suất được tính bình quân liên ngân hàng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Bến Cát; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Bình Dương; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Bến Cát là $(13.5\%/năm + 9.15\%/năm + 9\%/năm) : 3 = 10.55\%/tháng$.

Mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu 10%/năm là thấp hơn mức lãi suất bình quân liên ngân hàng là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Như vậy, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi chậm trả cho nguyên đơn là: $1.340.258.386 \text{ đồng} \times 10\%/12 \text{ tháng} \times 04 \text{ tháng} 05 \text{ ngày} = 46.536.741 \text{ đồng}$.

Đối với đề nghị rút lại yêu cầu tính lãi chậm thanh toán đối với số tiền chậm trả 348.163.639 đồng là 12.089.024 đồng. Xét đây là sử tự nguyện của nguyên đơn, không vi phạm quy định pháp luật nên chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 91, 147, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 24, Điều 50, điều 306 và Điều 319 Luật Thương mại;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty PMK đối với bị đơn Công ty TNA F về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa:

Buộc Công ty TNA F có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty PMK số tiền là: 1.734.958.766 đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 1.340.258.386 đồng;
- Số tiền phạt chậm thanh toán: 348.163.639 đồng.
- Tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/9/2024 là 04 tháng 05 ngày: $1.340.258.386 \text{ đồng} \times 10\%/12 \text{ tháng} \times 04 \text{ tháng} 05 \text{ ngày} = 46.536.741 \text{ đồng}$.

Kể từ ngày Công ty PMK có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu Công ty TNA F chậm thi hành án thì hàng tháng, Công ty TNA F còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu của Công ty PMK về việc yêu cầu Công ty TNA F thanh toán tiền lãi đối với số tiền chậm trả 348.163.639 đồng là 12.089.024 đồng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty PMK không phải nộp án phí, hoàn trả Công ty PMK số tiền 31.959.489 đồng (ba mươi một triệu chín trăm năm mươi chín ngàn bốn trăm tám mươi chín đồng) tạm ứng đã nộp theo Biên lai số 0000554 ngày 04/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Công ty TNA F phải nộp 64.048.762 đồng (sáu mươi bốn triệu không trăm bốn mươi tám ngàn bảy trăm sáu mươi hai đồng) án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Bích